TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2018/HSST
Ngày 24-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lục Văn Khai

2. Ông Đinh Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhiễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa: Bà Lân Thị Ngọc Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên B, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Đối với bị cáo: Nguyễn Hồng C, tên gọi khác: Không**,** sinh ngày 20 tháng 4 năm 1953, tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn 4, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Danh T và bà Hoàng Thị B (đã chết); vợ là Nông Thị H; có 07 con lớn nhất 46 tuổi, nhỏ nhất 27 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại xã Xuân Long, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái - Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1- Nông Thị H - Trú tại: Thôn 4, xã Xuân Long, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái: Vắng mặt.

2- Nguyễn Cao Ng - Trú tại: Thôn 4, xã Xuân Long, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái : Vắng mặt.

3- Lộc Thị Kh - Trú tại: Thôn 4, xã Xuân Long, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái : Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/12/2017, sau khi cùng đi đám ma về nhà tại thôn 4, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái, thì Nguyễn Hồng C và vợ là Nông Thị H xảy ra mâu thuẫn với nhau, sợ bị chồng đánh bà H bỏ chạy, Nguyễn Hồng C bực tức mang quần áo của bà H ra đốt, sau đó đi ra nhà bè của gia đình ở trên hồ T thuộc thôn 5, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái, để nghỉ ngơi. Lúc này Nguyễn Cao N, sinh năm 1986 (là con ở cùng nhà với vợ chồng Nguyễn Hồng C) biết sự việc nên ra nhà bè tìm C để hỏi chuyện, khi đến gần nhà bè thì xe mô tô của N quệt làm đổ xe mô tô của C đang dựng ở bến, N đứng ở trên bờ nói vọng xuống nhà bè hỏi C tại sao đốt quần áo của bà H nhưng C không trả lời nên N đi về nhà. Sau khi N về, C ra khỏi nhà bè, thấy xe mô tô của mình bị đổ, C nghĩ là N đập phá làm hỏng xe mình nên đã cầm theo khẩu súng trường K44, phần thân súng có số ký hiệu: "11-1953-KD22463", trên quy lát có số "516" để ở trong nhà bè, đi xe về nhà để hỏi chuyện N và cất súng. Khi C đến sân nhà thì N đang ngồi uống nước trên nhà (nhà sàn) C cầm súng trên tay lên cầu thang lúc này N cũng từ nhà xuống cầu thang, thấy C cầm súng trên tay nên N giằng lấy khẩu súng trên tay C rồi bỏ chạy, C đuổi theo nhưng không được, sự việc sau đó chấm dứt, N mang khẩu súng đó đi giấu, đến ngày 27/12/2017 N mang súng đến Công an xã X giao nộp.

Qúa trình điều tra, Nguyễn Hồng C khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép khẩu súng như đã nêu trên. Về nguồn gốc khẩu súng, C khai: Năm 1979, C tham gia dân công hỏa tuyến tại tỉnh Lao Cai, khi đi qua một nhà dân bỏ hoang thấy khẩu súng nói trên (súng không có đạn) nên mang về nhà cất giữ để làm kỷ niệm.

Tại bản kết luận giám định số: 210/C54 (P3) ngày 06/2/2018 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát kết luận:

- Khẩu súng gửi đi giám định là súng trường K44, thuộc vũ khí quân dụng, hiện súng còn sử dụng để bắn được.

- Khẩu súng trên không bắn ra các đầu đạn, vỏ đạn trong các vụ án trước hiện lưu giữ trong tàng thư súng đạn của Viện khoa học hình sự, Bộ công an.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 18/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Nguyễn Hồng C về tội: "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" và đề nghị Hội

đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng C từ 12 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo.

Về vật chứng và án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai báo thành khẩn và không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của kiểm sát viên, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y và Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã thực hiện các hoạt động tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc thu thập các tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã đầy đủ, đảm bảo hợp pháp, khách quan.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định: Nguyễn Hồng C đã có hành vi tàng trữ trái phép khẩu súng trường K44, là vũ khí quân dụng. Hành vi của Nguyễn Hồng C đã phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng " quy định tại điều 230 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với vũ khí quân dụng, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, việc đưa ra bị cáo ra xử lý trước pháp luật là cần thiết.

[4] Nguyễn Hông C là người có đủ năng lực nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của bản thân, bị cáo hiểu được vũ khí quân dụng được Nhà nước độc quyền quản lý và chỉ sử dụng trong lĩnh vực an ninh quốc phòng, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, chỉ có những cơ quan, tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho phép mới được sử dụng vũ khí này. Mặc dù bị cáo biết và nhận thức được các qui định trên nhưng bị cáo vẫn tàng trữ vũ khí quân dụng.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết

giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố, mẹ bị cáo là người có công với nước được tặng thưởng Huân kháng chiến, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo về chính quyền địa phương, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về vật chứng: Tịch thu một khẩu súng quân dụng có ký hiệu 11- 1953-KD22463; trên qui lát có hàng chữ 516 giao cho Ban chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái quản lý theo qui định.

[6] Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh**:** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng C phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1và khoản 2 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng C: 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng C cho Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 điều 69 của luật Thi hành án hình sự.

3.Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu một khẩu súng quân dụng có ký hiệu 11-1953- KD22463; trên qui lát có hàng chữ 516, giao cho Ban chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái quản lý theo qui định.(*Vật chứng trên cơ quan Thi hành án huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đang quản lý tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/5/2018)*

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Hồng C phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh
- VKS H.Y;
- CA H.Y;
- Chi cục THADS Y;
- Sở Tư pháp;
- UBND xã X
- Bị cáo;
- Lưu HS, THA, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Kim Sơn